

Số: 43 /QuyĐ-TCĐN-ĐT

Đồng Nai, ngày 21 tháng 07 năm 2014

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KHU VỰC LONG THÀNH-NHƠN TRẠCH**

Căn cứ Luật Dạy nghề năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tuần làm việc 40 giờ;

Căn cứ Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục-Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ vào điều kiện thực tế của Trường và Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức ngày 21/01/2014,

Hiệu trưởng ban hành Quy định về chế độ làm việc của giáo viên (GV) như sau:

**1. Định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy của GV**

**1.1. Định mức thời gian làm việc**

Thời gian làm việc của giáo viên là **44 tuần/năm học** (không quá 1760 giờ/năm, 40 giờ/tuần) đối với **giáo viên dạy Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề** và **46 tuần** (không quá 1840 giờ/năm, 40 giờ/tuần) đối với **giáo viên dạy Sơ cấp nghề**.

Thời gian làm việc đảm bảo GV thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH, bao gồm giảng dạy, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, sinh hoạt chuyên môn v.v.

Giáo viên dạy văn hóa và các môn học chung được áp dụng thời gian làm việc như GV dạy trung cấp nghề (trừ trường hợp GV có yêu cầu khác bằng văn bản).

**Bảng 1: Thời gian tính theo tuần:**

<b>Nhiệm vụ</b> <b>Trình độ</b>	<b>Công tác giảng dạy</b> <b>và giáo dục HSSV</b>	<b>Nghiên cứu khoa học, học tập,</b> <b>bồi dưỡng nâng cao trình độ.</b>
Cao đẳng nghề	32 tuần	12 tuần
Trung cấp nghề	36 tuần	08 tuần
Sơ cấp nghề	42 tuần	04 tuần

*Trường hợp giáo viên sử dụng không hết thời gian để nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ ... thì thời gian còn lại tính vào công tác giảng dạy.*

**1.2. Giờ chuẩn giảng dạy (GCGD)**

Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động để hoàn thành nhiệm vụ của GV tương đương với việc thực hiện một giờ giảng trên lớp, bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng.

**Bảng 2: Giờ làm việc quy ra GCGD của giáo viên bao gồm:**

Nhiệm vụ trong năm học		Giờ thực làm	Giờ đã quy đổi	Ghi chú (Ghi cụ thể địa điểm làm việc)
a) Giảng dạy	Dạy CDN, TCN	616	616	
	Môn văn hóa phổ thông	616	616	
	Dạy sơ cấp nghề	644	644	
b) Soạn đề thi kết thúc mô đun, môn học				Từ mục b->g do Khoa/Bộ môn phân công GV từng học kỳ và năm học. Gửi về Phòng Đào tạo trình BGH duyệt trước 15/01/2014 làm cơ sở xác định hoàn thành nhiệm vụ.
<i>b1. Coi thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra học kỳ, kết thúc mô đun, môn học</i>				
c) Soạn đề thi tốt nghiệp				
<i>c1. Coi thi, chấm thi tốt nghiệp</i>				
d) Hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp				
đ) Luyện thi cho HSSV giỏi (VH, nghề . . .)				
e) Biên soạn giáo trình, tài liệu (TPO+HDTH = 01 giờ)				
g) Các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khác (Hội giảng, dự giờ . . .).				
<b>Tổng cộng</b>				

*GV thực làm các nhiệm vụ trong quỹ thời gian tuần làm việc 40 giờ.*

Căn cứ nội dung Bảng 2 nêu trên, Trưởng Khoa/Bộ môn vào 01 hàng tháng gửi báo cáo dự kiến công việc của từng thành viên về Phòng TCHC và Phòng CTHSSV (gửi Khoa CNTT đưa lên website) theo **Mẫu kế hoạch làm việc tháng** dưới đây:

Stt	Họ và tên	Buổi làm việc	Thứ/ngày/tháng					Ghi chú
			2 6/1	3	4	5		
	Nguyễn V. A	Sáng	(X)					(X) Ghi việc làm và nơi làm việc
		Chiều						
		Tối (nếu có)						
	Nguyễn V. B							

### 1.3. Chế độ làm thêm giờ

1.3.1. Thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ theo Thông tư liên tịch Số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013. Hoặc:

1.3.2. Cán bộ quản lý và GV tự nguyện dạy thêm giờ (phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước và tại Bảng 2) Trường ký hợp đồng giảng dạy không quá 200

giờ/người/năm (không tính số giờ kiêm nhiệm công tác Đảng, Đoàn thể). Trường hợp để đảm bảo môn học liên tục thời gian hợp đồng giảng dạy không quá 300 giờ/người/năm.

#### 1.4. Chế độ giảm giờ giảng đối với giáo viên

Áp dụng theo Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề.

#### 1.5. Quy định hệ số đối với lớp giảng dạy lý thuyết nghề để quy đổi ra GCGD

**Bảng 4**

Hệ đào tạo	Lý thuyết nghề		
	Lớp chuẩn	Lớp trung bình	Lớp đông
+ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	≤ 35 HS	36 – 50 HS	≥ 51 HS
	Hệ số 1	Hệ số 1,2	Hệ số 1,3
	<b>Lớp chuẩn</b>	<b>Lớp trung bình</b>	<b>Lớp đông</b>
+ TC nghề, Cao đẳng nghề kế toán	≤ 50 HS	51 – 70 HS	≥ 71 HS
	Hệ số 1	Hệ số 1,2	Hệ số 1,3

#### 1.6. Quy định hệ số đối với lớp giảng dạy thực hành nghề để quy đổi ra GCGD

**Bảng 5**

Hệ đào tạo	Thực hành nghề					
	< 18 HS	18-22 HS	23 HS	24-30 HS	31 - 60 HS	≥ 61 HS
+ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	Hệ số 0,7	Hệ số 0,9	Hệ số 1	Hệ số 1,2	Chia 2 ca	Chia 3 ca
	<b>&lt; 18 HS</b>	<b>18 – 22 HS</b>	<b>23-50 HS</b>	<b>51 – 70 HS</b>	<b>≥ 71 HS</b>	
+ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề kế toán	Hệ số 0,7	Hệ số 0,9	Hệ số 1	Hệ số 1,2	Hệ số 1,3	

Hệ số dưới 1 chỉ áp dụng cho lớp chia ca

#### 1.7. Quy định hệ số đối với lớp giảng dạy tích hợp để quy đổi ra GCGD

**Bảng 6**

Hệ đào tạo	Giảng dạy tích hợp					
	< 18	18 – 22 HS	23 HS	24-30 HS	31 - 60 HS	≥ 61 HS
+ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	Hệ số 0,7	Hệ số 0,9	Hệ số 1	Hệ số 1,2	Áp dụng theo mục 1.5 và 1.6	
	<b>&lt; 18</b>	<b>18 – 22 HS</b>	<b>23 – 50 HS</b>	<b>51 – 70 HS</b>	<b>≥ 71 HS</b>	
+ TC nghề, Cao đẳng nghề kế toán	Hệ số 0,7	Hệ số 0,9	Hệ số 1	Hệ số 1,2	Hệ số 1,3	

Hệ số dưới 1 chỉ áp dụng cho lớp chia ca

**Lưu ý:** - Đối với các môn học văn hóa, GDQP, TDTT, các môn chung ... áp dụng như Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề kế toán tại mục 1.5, 1.6.

- Nghề kế toán: Riêng các môn học có giờ thực hành liên quan đến phòng máy vi tính được áp dụng chia ca thực hành như các nghề khác.

## 2. Hoạt động phục vụ đào tạo

### 2.1. Soạn đề thi

**Bảng 7**

Hình thức	Kết thúc môn học/môđun	Tốt nghiệp
+ Đề thi viết tự luận kèm đáp án	1 giờ chuẩn/đề	2 giờ chuẩn/đề
+ Đề thi trắc nghiệm kèm đáp án	1,5 giờ chuẩn/đề	2,5 giờ chuẩn/đề
+ Đề thi thực hành kèm đáp án.	0,5 giờ chuẩn/đề	1,5 giờ chuẩn/đề

### 2.2. Chấm thi quy ra giờ chuẩn giảng dạy

**Bảng 8**

Hình thức	Kết thúc môđun (môn học)	Tốt nghiệp
+ Chấm thi viết	0,1 giờ chuẩn/bài	0,2 giờ chuẩn/bài
+ Chấm thi trắc nghiệm	0,1 giờ chuẩn/bài	0,2 giờ chuẩn/bài
+ Chấm thi thực hành	0,2 giờ chuẩn/bài	0,4 giờ chuẩn/bài

**Lưu ý:** Hình thức chấm thi kết thúc môn học/môđun, thi tốt nghiệp đều phải bố trí 02 giáo viên chấm độc lập. Số tiết của một GV chấm thi phải bằng tổng số tiết chấm thi đã quy chuẩn chia cho số người tham gia chấm thi. Tuyệt đối không bố trí một giáo viên chấm thi.

Chấm thi, coi thi lý thuyết có thể áp dụng theo phương pháp trực tiếp trên máy vi tính như thi đối với nghề Lái xe ô tô khi có đủ điều kiện và chậm nhất vào tháng 6/2014.

*Quy định tổ chức thi và công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Mục 2, Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24/5/2007.*

### 2.3. Coi thi

- 01 giờ coi kết thúc môđun, môn học (lý thuyết -45 phút, thực hành- 60 phút) được tính bằng 0,3 giờ chuẩn.
- 01 giờ coi thi tốt nghiệp (lý thuyết-45 phút, thực hành-60 phút) được tính bằng 0,5 giờ chuẩn.

**2.4. Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất:** 1 ngày làm việc (8 giờ) được tính bằng 3 giờ chuẩn.

- GV chuẩn bị đề cương, tài liệu thực tập, chấm điểm từng phần: 2giờ chuẩn/tuần/lớp.
- GV hướng dẫn liên hệ với nơi thực tập của học sinh để ghi nhận tình hình thực tập của học sinh tại công ty: 1 ngày/tuần/lớp (Tương đương 3giờ chuẩn/tuần/lớp) .
- GV hướng dẫn học sinh làm báo cáo thực tập: 1 ngày/tuần/lớp (Tương đương 3giờ chuẩn/tuần/lớp) ..
- Tính hệ số lớp đồng theo lớp thực hành (Quy định tại mục 1.6).

**2.5. Hướng dẫn HSSV làm báo cáo kết thúc môn học, khóa học:** 1 ngày làm việc (8 giờ) được tính bằng 3 giờ chuẩn.

- GV chuẩn bị đề cương, tài liệu, chấm điểm từng phần: 2giờ chuẩn/tuần/lớp.
- GV hướng dẫn học sinh làm báo cáo: 1 ngày/tuần/lớp (Tương đương 3 giờ chuẩn/tuần/lớp) .

- Tính hệ số lớp đông theo lớp thực hành (Quy định tại mục 1.6).

## 2.6 Giảng dạy luật lao động:

Thực hiện theo mức khoán chi dạy luật lao động: Phòng Đào tạo cử giáo viên giảng dạy và chi mức 30% cho giáo viên hoặc tính 6 giờ/ngày.

2.7. Thời gian luyện thi cho học sinh giỏi nghề, tham gia hội thi tay nghề các cấp được tính là thời gian giảng dạy.

2.8. Biên soạn chương trình, tài liệu.

### Bảng 9

TT	Loại đề tài	Giờ chuẩn	Đơn vị tính	Ghi chú
	Biên soạn mới tài liệu giảng dạy (TPO và Phiếu HDTH).	1	01 TPO và HDTH	Phòng Đào tạo, các khoa chuyên ngành triển khai theo quyết định giao nhiệm vụ của Hiệu trưởng.

**Lưu ý:** Các trường hợp khác (không nằm trong danh mục này), Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể số giờ chuẩn phù hợp với yêu cầu và thực tế.

## 3. Thời gian nghỉ:

Căn cứ tình hình thực tế của Trường, Hiệu trưởng bố trí giáo viên nghỉ vào thời điểm thích hợp.

## 4. Chế độ thanh toán:

4.1. GV hoàn thành định mức GCGD (như **Bảng 2**) được hưởng lương và các khoản phụ cấp theo quy định chung của Nhà nước, ngoài ra nếu vượt định mức và tích cực tham gia các công việc khác do Trường phân công sẽ được hưởng thu nhập theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

4.2. GV không hoàn thành định mức GCGD do nhà trường không bố trí đủ định mức vẫn được hưởng lương và các khoản phụ cấp theo quy định và phải bổ sung định mức GCGD vào tháng sau, học kỳ sau hoặc năm sau để bù lại.

4.3. GV không hoàn thành định mức GCGD vì lý do cá nhân, việc trả lương và các khoản phụ cấp sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành.

4.4. GV hoàn thành vượt định mức GCGD sẽ được thanh toán tiền vượt giờ theo đơn giá quy định hoặc theo hợp đồng.

Trên đây là quy định về chế độ làm việc của giáo viên Trường CDN khu vực Long Thành – Nhơn Trạch, những nội dung không có trong quy định này được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Quy định này được thay thế Quy định 11/QyĐ-TCĐN-ĐT ngày 31/01/2013.

Trong thời gian thực hiện, Trường sẽ điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế và quy định của Nhà nước. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- BGH, BCHCD, Đoàn TN;
- Các Phòng, Khoa, Bộ môn;
- Lưu: VT, ĐT, website.



Lê Anh Đức